TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-9-2024
"V/v Ly hôn giữa chị M và anh V"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Quốc V, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án, chị Lê Thị M trình bày như sau:

Chị Lê Thị M (gọi tắt là chị M) và anh Lê Quốc V (gọi tắt là anh V) chung sống với nhau vào năm 2005 được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng cho đến nay vẫn chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự hoà hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cự cãi. Ngoài ra anh V ham mê cờ bạc gây nợ nần làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, chị M đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh V không thay đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến nay chị M xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có hai con chung tên Lê Thị Trâm A, sinh ngày 12/11/2007 và Lê Thị Thùy A1, sinh ngày 11/8/2012. Hiện tại con chung đang sống với chị M, khi ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng, chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung của vợ chồng và người khác nợ vợ chồng không có.

Tại phiên tòa hôm nay chị M tiếp tục xin ly hôn với anh V và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình làm việc tại Tòa án.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Lê Quốc V có ý kiến trình bày như sau:

Anh Vthống nhất với ý kiến của chị M về thời gian vợ chồng chung sống vào năm 2005 và xác định từ khi chung sống đến nay vợ chồng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh V cũng xác định vợ chồng không có sự hoà hợp nên không tìm được tiếng nói chung từ đó xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra anh V còn thừa nhận trong thời gian chung sống anh V tham gia chơi cờ bạc gây nợ nần làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên anh V thống nhất ly hôn với chị M.

Về con chung, anh V thống nhất với lời trình bày của chị M về con chung của vợ chồng. Hiện nay các con chung sống với chị M, anh V đồng ý giao hai người con chung cho chị M nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, anh V cho rằng vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V còn xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Lê Thị Trâm A, sinh ngày 12/11/2007 và Lê Thị Thùy A1, sinh ngày 11/8/2012 có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Chị M và anh V thống nhất chung sống với nhau vào năm 2005 đến nay chưa thực hiện đăng ký kết hôn nay cùng thống nhất ly hôn. Về con chung anh chị xác định có hai người con chung tên Lê Thị Trâm A, sinh ngày 12/11/2007 và Lê Thị Thùy A1, sinh ngày11/8/2012, sau khi ly hôn giao các con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự xác định không có.

Kết quả thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; giấy khai sinh của các con chung của vợ chồng, bản sao căn cước công dân, bản tự khai. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần tố tụng.

Đề nghị hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận vợ chồng giữa chị M và anh V. Về con chung giao các con chung cho chị M nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung ghi nhận ý kiến của chị M không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng các đương sự xác định không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Về quan hệ pháp luật: Chị M xin ly hôn với anh V và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Tại phiên tòa bị đơn - anh Lê Quốc V vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Tòa án chị M và anh V đều xác định anh chị chung sống với nhau vào năm 2005 cho đến nay chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và trong "Đơn xin xác nhận" ngày 22/4/2024 của chị M được đại diện Ủy ban nhân dân xã Tây Yên huyện An Biên xác nhận tình trạng hôn nhân các đương sự chưa đăng ký kết hôn. Từ đó có cơ sở để xác định mặc dù anh chị chung sống từ năm 2005 nhưng do không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị M và anh Lê Quốc V.

Về con chung: Chị M và anh Việt chung sống có hai người con chung là cháu Lê Thị Trâm A, sinh ngày 12/11/2007 và cháu Lê Thị Thùy A1, sinh ngày11/8/2012, các con chung đều có nguyện vọng được sống với chị Mụi. nhận thấy, từ khi anh chị ly thân đến nay con chung sống với chị M có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường, hiện tại chị M có nhà ở địa phương và có thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, trong quá trình giải quyết vụ án anh chị cũng thỏa thuận giao các con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lê Thị Trâm A, sinh ngày 12/11/2007 và Lê Thị Thùy A1, sinh ngày 11/8/2012 cho chị Mụ tiếp tục nuôi dưỡng sau khi anh chị không tiếp tục chung sống là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị M không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị M là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị M và anh Lê Quốc V.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Thị Trâm A, sinh ngày 12/11/2007 và Lê Thị Thùy A1, sinh ngày 11/8/2012 cho mẹ là chị Lê Thị M tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Lê Thị M và anh Lê Quốc V không tiếp tục chung sống theo nguyện vọng của các con chung và sự thỏa thuận của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị Lê Thị M không yêu cầu anh Lê Quốc V cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có và không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có và không ai có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị M có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003342 ngày 09/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lê Thị M đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 16/9/2024, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu, HS, VP.